

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130/2026/DS-ST**
Ngày: 14/8/2026
V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Chinh

Ông Nguyễn Phạm Hùng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tưởng Duy Khánh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở, Tòa án nhân dân khu vực 4 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2026/TLST-DS ngày 02/4/2026 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1085/2026/QĐXX-ST ngày 08 tháng 7 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số: 1103/2026/QĐST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần S (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần S1). Địa chỉ: 2 N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Faussier Loic Michel M, chức danh: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Ngọc C, chức danh: Giám đốc Phòng giao dịch Nguyễn Văn L thuộc Chi nhánh Đ. *Người được ủy quyền lại:* Ông Huỳnh Văn L1, sinh năm 2002, CCCD số: 049202010927, chức danh: Chuyên viên quan hệ khách hàng; địa chỉ liên hệ: 188-190 N, phường T, thành phố Đà Nẵng (*Theo Theo Quyết định ủy quyền số: 3551.2026.QĐ.LEG ngày 15/7/2026 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP S và Giấy ủy quyền số: .../2026/CV-PGDNLV ngày 13/8/2026 của ông Phan Ngọc C*). Ông L1 có mặt.

2. Bị đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1958, CCCD số: Nơi cư trú: Tổ A, phường H, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/02/2026, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn thông qua người đại diện theo ủy quyền của mình trình bày:

Ngày 12/01/2024, bà Đỗ Thị H và Ngân hàng TMCP S1 ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng). Thực hiện hợp đồng thì ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: 2,48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng. Sau khi được cấp tín dụng bà H đã thực hiện 02 giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng, đã thanh toán được số tiền 4.464.184 đồng. Kể từ ngày 05/11/2024 bà H vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ của bà H và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn.

Tạm tính đến ngày 13/8/2026, bà Đỗ Thị H còn nợ Ngân hàng tổng số tiền: 65.416.485 đồng, trong đó nợ gốc là 29.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.574.520 đồng, lãi quá hạn 30.841.965 đồng.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần S yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đỗ Thị H trả số tiền 65.416.485 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 14/8/2026 cho đến khi trả hết nợ thẻ theo lãi suất quy định tại hợp đồng đã ký.

Bị đơn là bà Đỗ Thị H vắng mặt và không có ý kiến trình bày gửi Tòa án
Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện; bản tự khai, bản sao Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ cá nhân, tóm tắt sao kê, hồ sơ pháp lý của nguyên đơn.* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn là bà Đỗ Thị H phải trả cho

Ngân hàng S số tiền là 65.416.485 đồng, trong đó nợ gốc là 29.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 5.574.520 đồng, lãi quá hạn là 30.841.965 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn phải trả số tiền đã vay theo hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại phường H, thành phố Đà Nẵng. Do vậy, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đà Nẵng theo quy định tại Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (*sửa đổi, bổ sung năm 2025*).

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung vụ án:

[3] Vào ngày 12/01/2024, Ngân hàng thương mại cổ phần S (tên cũ: Ngân hàng thương mại cổ phần S1) và bà Đỗ Thị H ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân. Thực hiện hợp đồng thì ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng cho bà H với hạn mức tín dụng 30.000.000 đồng, mục đích tiêu dùng cá nhân; lãi suất trong hạn: 2,48%/tháng; Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng. Sau khi được cấp tín dụng bà H đã thực hiện 02 giao dịch với tổng số tiền là 29.000.000 đồng, đã thanh toán được số tiền 4.464.184 đồng. Quá trình sử dụng thẻ, bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 13/8/2026, bà H còn nợ ngân hàng S số tiền là 65.416.485 đồng, trong đó nợ gốc là 29.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.574.520 đồng, lãi quá hạn 30.841.965 đồng.

[4] Xét thấy việc ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 12/01/2024 giữa các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thoả thuận trong không trái quy định của luật, không trái đạo đức xã hội nên Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 12/01/2024 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S (tên cũ là thương mại cổ phần S1) và bà Đỗ Thị H có hiệu lực và được pháp luật công nhận, bảo vệ.

[5] Quá trình thực hiện hợp đồng thì bà H không thanh toán nợ gốc, lãi đúng hạn theo thoả thuận nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Điều 02 của Bản điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng đã ký kết. Căn

cứ 100, 103, 107 Luật tổ chức tín dụng; Điều 280 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải thanh toán cho ngân hàng số tiền tính đến ngày 13/8/2026 là 65.416.485 đồng.

[6] Kể từ ngày 14/8/2026 bà H còn phải trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng nói trên cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc này.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật là: 65.416.485 đồng x 5% = 3.271.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 100, 103, 107, 210 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S đối với bà Đỗ Thị H về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền 65.416.485 đồng (*sáu mươi lăm triệu bốn trăm mười sáu nghìn bốn trăm tám mươi lăm đồng*), trong đó nợ gốc là 29.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 5.574.520 đồng, lãi quá hạn 30.841.965 đồng (lãi được tính đến ngày 13/8/2026).

Kể từ ngày 14/8/2026, bà Đỗ Thị H còn phải tiếp tục trả lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là Giấy đề nghị kèm hợp đồng cấp thẻ cá nhân ngày 12/01/2024 cho đến khi thanh toán xong số nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đỗ Thị H phải chịu 3.271.000 đồng (*ba triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S số tiền tạm ứng án phí 1.319.000 đồng (*một triệu ba trăm mười chín nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai tạm

ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002900 ngày 30/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 36, 72 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND khu vực 4 – Đà Nẵng;*
- *TAND thành phố Đà Nẵng;*
- *Phòng THADS khu vực 4 – Đà Nẵng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuấn

